

**TCVN 7516 : 2005**

Xuất bản lần 1

**HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT DỊCH HẠI**

*Guidelines for surveillance*

**HÀ NỘI – 2008**



## Lời nói đầu

TCVN 7516 : 2005 tương đương có sửa đổi ISPM No.6 : 1998 (Tiêu chuẩn Quốc tế về các biện pháp Kiểm dịch thực vật);

TCVN 7516 : 2005 do Tiểu ban kỹ thuật tiêu chuẩn TCVN/TC/F7/SC1 *Kiểm dịch thực vật* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.



## Hướng dẫn giám sát dịch hại

*Guidelines for surveillance*

### 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các nội dung điều tra và hệ thống theo dõi nhằm mục đích phát hiện dịch hại và cung cấp thông tin cho việc phân tích nguy cơ dịch hại, thiết lập các vùng không nhiễm dịch hại (VKNDH) tại những nơi thích hợp, lập các danh mục dịch hại.

### 2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau là rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi.

TCVN 3937, Kiểm dịch thực vật – Thuật ngữ và định nghĩa.

TCVN 6907 : 2001, Các nguyên tắc về kiểm dịch thực vật liên quan đến thương mại quốc tế.

TCVN 7515 : 2005, Yêu cầu để thiết lập các vùng không nhiễm dịch hại.

International Plant Protection Convention, 1992. FAO, Rome (Công ước quốc tế về bảo vệ thực vật, 1992, Tổ chức nông lương thế giới, Roma).

Agreement on the Application of Sanitary and Phytosanitary Measures, 1994. World Trade Organization, Geneva (Hiệp định về việc áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật, 1994. Tổ chức thương mại thế giới, Geneva).

Bayer coding system, 1996. European and Mediterranean Plant Protection Organization, Paris (Hệ thống mã số Bayer, 1996. Tổ chức Bảo vệ thực vật Châu Âu và Địa trung Hải, Paris).

### 3 Thuật ngữ và chữ viết tắt

#### 3.1

**vùng** (area)

## **TCVN 7516 : 2005**

một quốc gia, một địa phận của một quốc gia, hoặc toàn bộ hoặc nhiều địa phận của một số quốc gia được công nhận chính thức.

### **3.2**

#### **hàng hoá (commodity)**

loại thực vật, sản phẩm thực vật, hoặc các vật thể khác thuộc diện kiểm dịch được lưu thông với mục đích thương mại hoặc mục đích khác.

### **3.3**

#### **danh mục dịch hại theo hàng hoá (commodity pest list)**

một danh mục các loại dịch hại xuất hiện trong một vùng mà có thể liên quan đến một hàng hoá cụ thể.

### **3.4**

#### **điều tra khoanh vùng (delimiting survey)**

điều tra để thiết lập phạm vi của một vùng được xem là nhiễm hoặc không nhiễm một loài dịch hại.

### **3.5**

#### **điều tra phát hiện (detection survey)**

điều tra để xác định sự có mặt của dịch hại trong một vùng.

### **3.6**

#### **phổ ký chủ (host range)**

các loài thực vật trong các điều kiện tự nhiên có thể nuôi dưỡng được một loài dịch hại cụ thể.

### **3.7**

#### **danh mục dịch hại theo ký chủ (host pest list)**

danh mục các loại dịch hại nhiễm trên một loài thực vật.

### **3.8**

#### **IPPC**

chữ viết tắt của Công ước Quốc tế về bảo vệ thực vật được qui định năm 1951 bởi Tổ chức nông lương thế giới tại Roma và được sửa đổi tiếp.

### **3.9**

#### **theo dõi (monitoring)**

một việc thường xuyên được tiến hành để xác định các tình trạng kiểm dịch thực vật (KDTV).

### **3.10**

#### **điều tra theo dõi (monitoring survey)**

điều tra thường xuyên để xác định đặc điểm của một quần thể dịch hại.

**3.11**

**tổ chức bảo vệ thực vật quốc gia (TCBVTVQG)** [National Plant Protection Organization (NPPO)]  
cơ quan chính thức được Chính phủ thành lập để thực hiện những nhiệm vụ được quy định bởi Công ước Quốc tế về bảo vệ thực vật.

**3.12**

**xuất hiện** (occurrence)

sự có mặt của một loài dịch hại trong một vùng được báo cáo chính thức là loại bản xứ hoặc du nhập và/hoặc không được báo cáo chính thức là đã được diệt trừ.

**3.13**

**cơ quan chính thức** (official)

được tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia thành lập, ủy quyền hoặc thực hiện.

**3.14**

**đường lây lan** (pathway)

mọi phương thức tạo điều kiện cho một dịch hại du nhập hoặc lan rộng.

**3.15**

**dịch hại** (pest)

bất cứ loài, chủng hoặc dạng sinh học thực vật, động vật hoặc vi sinh vật gây hại cho thực vật hoặc sản phẩm thực vật.

**3.16**

**vùng không nhiễm dịch hại (VKNDH)** (pest free area)

một vùng mà ở đó một loài dịch hại cụ thể không xuất hiện khi được chứng minh bằng các bằng chứng khoa học, và ở những nơi thích hợp các điều kiện này được duy trì một cách chính thức.

**3.17**

**phân tích nguy cơ dịch hại** (pest risk analysis)

quá trình đánh giá bằng chứng sinh học hoặc bằng chứng khoa học và kinh tế khác để xác định xem loài dịch hại cần được điều chỉnh và tăng cường các biện pháp KDTV chống lại nó hay không.

**3.18**

**giám sát dịch hại** (surveillance)

một quá trình chính thức thu thập và ghi chép dữ liệu về sự xuất hiện hoặc không xuất hiện dịch hại bằng việc điều tra, theo dõi, hoặc các quy trình khác.

**3.19**

**điều tra** (survey)

một quy trình chính thức được thực hiện qua một thời gian qui định để xác định các đặc điểm của một quần thể dịch hại hoặc để xác định loài dịch hại xuất hiện trong một vùng.

#### **4 Khái quát về các yêu cầu**

Căn cứ vào tiêu chuẩn về biện pháp KDTV như TCVN 6907 : 2001, các quốc gia được yêu cầu chứng minh các biện pháp KDTV của họ phải dựa trên cơ sở phân tích nguy cơ dịch hại. Các nguyên tắc này cũng chấp nhận khái niệm “vùng không nhiễm dịch hại”, qui định về khái niệm này được trình bày trong TCVN 6907 : 2001. Các khái niệm này cũng được đề cập trong “Hiệp định về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật” của Tổ chức thương mại thế giới. Việc thu thập và ghi nhận thông tin về dịch hại là cơ sở đối với tất cả các khái niệm. Việc áp dụng này là do TCBVTVQG công bố chính thức sự không có mặt hoặc phân bố hẹp của các đối tượng KDTV.

Có hai kiểu chủ yếu của hệ thống giám sát dịch hại:

- giám sát tổng thể
- điều tra cụ thể.

Giám sát tổng thể là một quá trình qua đó thông tin về loài dịch hại cụ thể được chú ý đối với vùng có được từ nhiều nguồn thông tin sẵn có và được TCBVTVQG cung cấp.

Điều tra cụ thể là các quy trình mà qua đó TCBVTVQG có được thông tin về dịch hại liên quan đến các địa điểm cụ thể trong một vùng với một chu kỳ thời gian xác định.

Thông tin đã xác minh thu được có thể được sử dụng để xác định sự có mặt hoặc phân bố của các loài dịch hại trong một vùng hoặc trên một ký chủ hay hàng hóa hoặc chúng không có mặt trong một vùng. (trong việc thiết lập và duy trì các VKNDH).

#### **5 Yêu cầu**

##### **5.1 Giám sát tổng thể**

###### **5.1.1 Nguồn thông tin**

Trong mỗi quốc gia, có nhiều nguồn thông tin về dịch hại. Những nguồn thông tin này có thể bao gồm từ: TCBVTVQG, các tổ chức quốc gia và chính quyền địa phương, các viện nghiên cứu, các trường đại học, xã hội khoa học (gồm cả các chuyên gia nghiệp dư), các nhà sản xuất, tư vấn, bảo tàng, cộng đồng, tạp chí khoa học và thương mại, dữ liệu chưa công bố và quan sát thực tế khác. Ngoài ra, TCBVTVQG có thể thu thập thông tin từ các nguồn quốc tế như: Tổ chức nông lương thế giới, các tổ chức bảo vệ thực vật vùng v.v...



### 5.1.2 Thu thập, lưu trữ và truy cập thông tin

Để sử dụng dữ liệu từ các nguồn này, TCBVTVQG cần thành lập một hệ thống, qua đó thông tin cần thiết về các loài dịch hại cụ thể được thu thập, xác minh và biên soạn.

Thành phần của một hệ thống như vậy bao gồm:

- TCBVTVQG hoặc cơ quan khác được TCBVTVQG chỉ định hoạt động như lưu trữ quốc gia về các hồ sơ dịch hại thực vật
- hệ thống truy cập và lưu giữ hồ sơ
- quy trình xác minh dữ liệu
- kênh truyền thông để truyền tải thông tin từ các nguồn tới TCBVTVQG.

Thành phần của một hệ thống như vậy cũng có thể bao gồm:

- khuyến khích để báo cáo như:
  - các nghĩa vụ pháp lý (đối với các cơ quan nhà nước hoặc cơ quan chuyên ngành)
  - các thoả thuận (giữa TCBVTVQG và các cơ quan chuyên ngành)
  - sử dụng đầu mối liên lạc để thúc đẩy các kênh truyền thông tới TCBVTVQG và lấy thông tin từ TCBVTVQG
  - giáo dục cộng đồng/chương trình nâng cao nhận thức.

### 5.1.3 Sử dụng thông tin

Thông tin được tập hợp thông qua việc giám sát tổng thể được sử dụng thường xuyên nhất:

- để hỗ trợ TCBVTVQG công bố không nhiễm dịch hại
- để trợ giúp việc phát hiện sớm các loài dịch hại mới
- để báo cáo với các tổ chức khác như: Tổ chức bảo vệ thực vật vùng và Tổ chức nông lương thế giới
- trong việc biên soạn các danh mục dịch hại theo hàng hoá, ký chủ và sự phân bố.

## 5.2 Điều tra cụ thể

Việc điều tra cụ thể có thể là điều tra phát hiện, điều tra khoanh vùng hoặc điều tra theo dõi. Đó là những điều tra chính thức và phải tuân theo kế hoạch được TCBVTVQG phê chuẩn.

Kế hoạch điều tra bao gồm:

- việc xác định mục đích (ví dụ: phát hiện sớm, đảm bảo đối với những VKNDH, thông tin về danh mục dịch hại theo hàng hoá) và quy định các yêu cầu kiểm dịch thực vật được đáp ứng.
- xác định các loài dịch hại chính

## TCVN 7516 : 2005

- xác định phạm vi (ví dụ: vùng địa lý, hệ thống sản xuất, mùa vụ)
- xác định thời gian (ngày, tần suất, khoảng thời gian)
- xác định hàng hoá chính khi lập danh mục dịch hại theo hàng hoá
- chỉ dẫn cơ sở thống kê (ví dụ: mức độ tin cậy, số lượng mẫu, lựa chọn và số điểm, tần suất lấy mẫu, các giả định)
- mô tả phương pháp điều tra và quản lý chất lượng bao gồm những giải thích về:
  - quy trình lấy mẫu (ví dụ: bẫy dẫn dụ, lấy mẫu toàn bộ, kiểm tra bằng trực giác, thu thập mẫu, và phân tích trong phòng thí nghiệm); quy trình này sẽ được xác định bởi đặc tính sinh học của dịch hại và/hoặc mục đích điều tra
  - quy trình chẩn đoán
  - quy trình báo cáo.

### 5.2.1 Điều tra dịch hại

Việc điều tra đối với các loài dịch hại cụ thể sẽ cung cấp thông tin dùng chủ yếu để:

- hỗ trợ TCBVTVQG công bố không nhiễm dịch hại

và:

- hỗ trợ phát hiện sớm các loài dịch hại mới
- báo cáo tới các tổ chức khác như: Tổ chức bảo vệ thực vật vùng và Tổ chức nông lương thế giới.

Việc lựa chọn các điểm điều tra phù hợp có thể được xác định bởi:

- báo cáo trước đây về sự có mặt và phân bố dịch hại
- đặc tính sinh học của dịch hại
- sự phân bố của cây ký chủ của dịch hại và đặc biệt là vùng sản xuất thương mại
- các vùng khí hậu thích hợp đối với dịch hại.

Thời gian của quy trình điều tra có thể được xác định bởi:

- vòng đời dịch hại
- biểu hiện theo mùa vụ của các loài dịch hại và ký chủ của chúng
- thời gian của các chương trình quản lý dịch hại
- loài dịch hại phát hiện dễ nhất trong quá trình phát triển hay trong vụ thu hoạch của cây trồng.

Đối với các dịch hại chỉ mới du nhập gần đây thì có thể bổ sung việc lựa chọn các địa điểm điều tra phù hợp; ví dụ, các điểm có thể du nhập, đường lan rộng, các điểm buôn bán nhập khẩu, và địa điểm mà vật liệu nhập khẩu được dùng làm giống gieo trồng.

Việc lựa chọn quy trình điều tra có thể được xác định bởi các dấu hiệu hoặc triệu chứng của dịch hại mà có thể phát hiện được hoặc bằng cách sử dụng các kỹ thuật có độ nhạy cao và chính xác để kiểm tra dịch hại.

### **5.2.2 Điều tra hàng hóa hoặc ký chủ**

Việc điều tra hàng hoá cụ thể có thể cung cấp các thông tin hữu ích về các danh mục dịch hại trên hàng hoá được sản xuất theo phương thức canh tác nhất định. Việc điều tra cũng có thể sử dụng cho việc lập các danh mục ký chủ của dịch hại nơi giám sát tổng thể bị thiếu dữ liệu.

Sự lựa chọn các điểm điều tra phù hợp có thể được xác định bởi:

- sự phân bố địa lý của các vùng sản xuất và/hoặc quy mô của vùng sản xuất
- chương trình quản lý dịch hại (ví dụ: điểm sản xuất hàng hoá hoặc không sản xuất hàng hoá)
- giống cây trồng hiện có
- điểm tập kết hàng hoá nông sản sau thu hoạch.

Quy trình điều tra được ấn định thời gian liên quan đến thu hoạch mùa màng và phụ thuộc vào sự lựa chọn kỹ thuật lấy mẫu thích hợp với loại hàng hoá nông sản sau thu hoạch.

### **5.2.3 Lấy mẫu chỉ định và ngẫu nhiên**

Thông thường việc điều tra nên được chỉ định để phát hiện những loài dịch hại cụ thể cần lưu ý. Tuy nhiên, kế hoạch điều tra cũng bao gồm một số mẫu ngẫu nhiên để phát hiện những tình huống không mong muốn. Cần lưu ý rằng nếu yêu cầu định lượng một loài dịch hại phổ biến trong một vùng thì các kết quả từ việc điều tra có định hướng sẽ bị thiên lệch và có thể không cung cấp được một sự đánh giá chính xác.

## **5.3 Thực hành giám sát tốt**

Cán bộ tham gia trong việc giám sát tổng thể phải được đào tạo đầy đủ về lĩnh vực bảo vệ thực vật và quản lý dữ liệu. Các cán bộ tham gia điều tra đó phải được đào tạo đầy đủ và được kiểm tra đánh giá phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu để nhận biết và lưu giữ hồ sơ liên quan đến mẫu. Các thiết bị, phụ kiện thích hợp được sử dụng và bảo dưỡng đầy đủ. Phương pháp luận sử dụng phải có giá trị về mặt kỹ thuật.

#### **5.4 Yêu cầu kỹ thuật đối với dịch vụ chẩn đoán**

TCBVTVQG cần cung cấp các dịch vụ chẩn đoán phù hợp để hỗ trợ cho các hoạt động giám sát tổng thể và các hoạt động điều tra cụ thể, hoặc đảm bảo tiếp cận với các dịch vụ. Các đặc trưng của dịch vụ chẩn đoán bao gồm:

- thành thạo chuyên môn liên quan đến việc nhận biết dịch hại (và ký chủ)
- có đầy đủ trang thiết bị
- tiếp cận với các chuyên gia trong việc thẩm tra kết quả khi cần thiết
- trang thiết bị cho việc lưu giữ hồ sơ
- trang thiết bị làm và bảo quản các mẫu chuẩn
- sử dụng các quy trình thao tác chuẩn khi thích hợp và sẵn có.

Việc xác minh kết quả chẩn đoán do cơ quan có thẩm quyền khác sẽ cung cấp thêm độ tin cậy trong các kết quả điều tra.

#### **5.5 Lưu giữ hồ sơ**

TCBVTVQG cần lưu giữ các hồ sơ giám sát tổng thể và điều tra cụ thể. Thông tin lưu giữ phải thích hợp với mục đích sử dụng, ví dụ: hỗ trợ cho việc phân tích nguy cơ dịch hại cụ thể, thiết lập VKNDH và lập danh mục dịch hại. Các mẫu chuẩn được giữ ở nơi thích hợp.

Thông tin trong hồ sơ bao gồm, trong phạm vi có thể:

- tên khoa học của dịch hại và mã số Bayer nếu có thể
- họ/bộ
- tên khoa học của ký chủ và mã số Bayer nếu có thể và phần thực vật bị hại hoặc phương tiện thu thập (ví dụ: bẫy dẫn dụ, mẫu đất, vợt lưới)
- địa điểm, ví dụ: mã khu vực, địa chỉ, tọa độ
- ngày thu thập và tên người thu thập
- ngày định loại và tên người định loại
- ngày xác minh và tên người xác minh
- tài liệu tham khảo, nếu có

- thông tin bổ sung, ví dụ: bản chất của mối quan hệ ký chủ, tình trạng nhiễm dịch, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng bị hại, hoặc là chỉ phát hiện ra trong các nhà kính.

Báo cáo về sự xuất hiện dịch hại trên hàng hoá không cần thiết phải cụ thể đối với địa điểm hoặc sự xác minh, nhưng cần nêu đầy đủ, chính xác chủng loại hàng hoá, người thu thập, ngày thu thập và nếu có thể là phương tiện thu thập.

Các báo cáo về sự xuất hiện của các loài dịch hại mới cũng phải bao gồm thông tin về bất kỳ biện pháp nào đã áp dụng và các báo cáo này phải có sẵn khi có yêu cầu.

## **5.6 Sự minh bạch**

TCBVTVQG khi được yêu cầu, cần cung cấp các báo cáo về sự có mặt, phân bố của dịch hại hoặc không có dịch hại căn cứ trên việc giám sát tổng thể và điều tra cụ thể. Các báo cáo cần đề cập một cách đầy đủ vì liên quan đến sự xuất hiện của dịch hại.

---